

BẢN LUẬN QUYỂN 77

Trên đây, trong dẫn kinh nói về bảy nghĩa, bốn đoạn trước đã nói xong. Dưới đây là đoạn thứ năm, Bồ-tát Từ Thị thưa hỏi về nghĩa Chỉ, Quán. Trong đó, trước nêu tông chỉ của kinh. Kế chính là dẫn văn kinh ấy.

Phần trước, pháp, là giáo pháp. Dựa vào giáo pháp đó, lập bày, giả lập mười hai bộ kinh, phân biệt, giải thích nghĩa tương ứng của chỉ quán hoặc là giải thích chỉ quán, đặc quả bồ đề, tức là nghĩa tương ứng của nhân quả, cho nên nói phân biệt giải thích đạo Xa-ma-tha, Tỳ-Bát-Xá-Na. Thuộc về Du-già.

Trong phần chính dẫn văn kinh, trước, hỏi, sau đáp chính là nói về nghĩa chỉ quán. Sau là lúc thỉnh đặt tên kinh, được lợi ích.

Trong phần trước có hai:

1. Văn xuôi.
2. Trùng tụng.

Trong văn xuôi, trước là hỏi, đáp, nói rộng. Sau, là thuật lại lời khen, khuyên học.

Trong phần trước, lại chia làm hai mươi sáu môn:

- 1) Nói về môn Chỉ, Quán Y Trụ:

Hỏi: “Lấy gì làm y, Trụ những trụ nào mà tu chỉ quán?” Dưới đây, đáp: “Dùng giáo làm y, không bỏ nguyện của Đại Bồ-đề làm trụ.

2) Môn sở duyên (đối tượng duyên). Luận sư Cảnh nói: “1- Có phân biệt cảnh giới sở duyên của ảnh tượng, là lúc quán trí của Địa tiền y giáo tu, tức duyên tướng phần của ảnh tượng, tự biến ra tự pháp của ảnh tượng gọi là có phân biệt sở duyên của ảnh tượng. 2- Là ảnh tượng sở duyên của vô phân biệt: cũng là tâm “chỉ” của Địa tiền đã biến ra cảnh nghĩa pháp tương tự. Tâm “chỉ” gọi là tâm vô phân biệt. Tâm vô phân biệt hiện ra ảnh tượng gọi là ảnh tượng vô phân biệt.

3) Sự cảnh sở duyên của việc bờ mé: Tức là chân như sở duyên của Chỉ, Quán trong Thập Địa. Chân như đầy khắp tất cả Pháp sự, nên gọi là cảnh của việc bờ mé. Cũng có thể pháp, vật sự có các pháp, gọi là chung là thể chân như khắp bờ mé danh, sự.

4) Cảnh sở duyên của việc làm đã thành xong, nghĩa là ở Phật Địa. Việc mà Phật địa đã làm, tất cả thành xong. Cho nên, sở duyên chỉ, quán của Phật địa, gọi là cảnh thành xong.

Pháp sư Thái nói: “Vì lấy chuyển Y công đức của hữu vi, vô vi làm cảnh, nên nói là thành xong.”

Luận sư Cảnh nói: “Một nói là đối với tất cả Địa đều có đủ bốn sở duyên. “Chỉ” gọi là vô phân biệt, “quán” gọi là có phân biệt. Chỉ quán song vận, gọi là việc bờ mé sự đã làm thành xong.” Luận sư Bị nói: “Quán thế của văn này, hai sở duyên sau đều là vô phân biệt, có phân biệt ảnh tượng làm duyên, cũng có thể hai sở duyên sau đều không dùng hai thứ ảnh tượng làm cảnh sở duyên.

Một nước phương Tây nêu ra cách giải thích như vậy: “Vì trí vô phân biệt “duyên” chân như, nên cũng gọi là ảnh tượng của vô phân biệt, và dẫn Đối Pháp để chứng minh.” Dù có giải thích này, nay dùng trí vô phân biệt lúc chứng chân như vô tướng là tốt.”

5. Môn tìm chỉ quán tốt. Luận sư Cảnh nói: “Về lý, dựa vào bốn cảnh này để cầu “chỉ”, cũng tìm kiếm ở quán. Nhà văn đối câu, nên nói là cầu chỉ, có thể tốt hơn quán.

Nói “Vì các Bồ-tát an lập mười hai bộ kinh, người kia nghe khéo thọ v.v... là văn tuệ, tức như pháp đã tư duy, ở riêng một mình chốn vắng rang v.v... là Tư, Tuệ. Tuê, Văn, Tư này khi duyên giáo pháp kia, khi tu phương tiện, tức “duyên” tướng phần do tự tâm biến ra. Nói “Lại, tức ở đây, hay tư duy nội tâm, kiến phần của tâm nối tiếp nhau, lấy tư duy làm cảnh. Chánh hạnh như thế thường an trụ, nên khởi thân khinh an và tâm khinh an, là gọi là Xa-ma-tha, vì phương tiện thành, nên được định kia.

“Như thế v.v... trở xuống là kết. “Người kia do được thân tâm khinh an làm chỗ nương tựa, nên đến bỏ lìa tướng tâm, nghĩa là do chứng được Tam-ma-địa bên trong kia, khi quán sát, tự biến ra tướng ảnh tượng, vì bỏ “duyên” kiến phần nối tiếp nhau của Văn, Tư, nên nói; à bỏ lìa tướng của tâm.

Nói: “Tức trong nghĩa sở tri của ảnh tượng Tam-ma-địa như thế”, là nhắc lại nêu nghĩa sở tri của tâm chỉ ở trước.

“Hay chánh tư duy lựa chọn, v.v... chính là giải thích Tỳ-Bát-Xá-Na khéo léo. Chỗ khác dùng bốn nghĩa để giải thích Tỳ-Bát-Xá-Na. Nay, trong văn này, dùng chín nghĩa để giải thích: Bốn nghĩa trước, như địa Thanh văn nói. Năm nghĩa sau là tên khác của kiến.

Pháp sư Thái nói: “Vì sao Sơ địa, nên lìa bỏ cảnh giới ảnh tượng của tướng tâm.”

Thứ tư, là môn phương tiện chỉ quán, ban đầu, hỏi, đáp, nói về cầu phương tiện “chỉ”, “duyên” kiến phần nối tiếp nhau của tâm văn tư. Bấy giờ, chẳng phải chỉ là thuận theo tác ý tương ứng với “chỉ”. Kế là, hỏi đáp cầu phương tiện quán. Hai tuệ văn tư, lúc tư duy tướng ảnh tượng của các pháp, chỉ thuận theo quán, chứ chẳng phải thể của quán,

vì câu phương tiện đã nói là tu tuệ.

Thứ năm, môn “một” “khác”, trong đó chia làm hai:

1. Nói chỉ, quán là “một”, “khác”.
2. Nói tướng kiến “một” “khác”.

Trong phần trước, Luận sư Cảnh nói: “Ý hỏi đáp ở đây là y cứ “duyên” cảnh bản chất đồng, nên nói chẳng phải khác, vì chỉ quán thường đi chung, đồng “duyên” bản chất kiến phần, tướng phần của văn, tư làm sở duyên.

Y cứ “duyên thuận theo ảnh tượng của tâm, thì chỉ, quán là “khác”, vì “chỉ” chỉ “duyên” ảnh tượng vọ phân biệt, “quán” duyên ảnh tượng phân biệt, nên thể của chỉ quán chẳng phải không khác.”

Pháp sư Thái nói: “Vì quán tức là đối tượng duyên của “chỉ”, nên y cứ tâm duyên kia đồng, nên chẳng phải “khác”. Quán cảnh tướng phần của ảnh tượng phân biệt, mà chẳng phải cảnh chỉ. Cảnh đã không đồng, nên chẳng phải không “khác”.

Dưới đây trong phần nói về kiến, tướng là “một” “khác”. Luận sư Cảnh nói: “Lìa thức lượng, thì không có ảnh tượng riêng, nên nói không có khác. Vì ngoài tâm không có pháp, nên không thấy chi khác. Khi thấy ảnh tượng, gọi là thấy tâm mình. Như dựa vào gương soi sạch, mặt mình làm duyên, nhãn thức thấy trở lại mặt bản chất của mình. Y thức tính toán so lường, phân biệt biến ra ảnh tượng, ngay tâm mình hiện, nghĩa là ở trong gương soi. Gương soi dụ cho thể định, bản chất dụ cho tâm vương tương ứng với định. Ảnh tượng dụ cho tướng phần của tâm. Do định thắm nhuần, lắng trong, để cho tâm có thể hiện ra tướng phần của tâm, tức đem định kia tương ứng với tâm vương làm gương soi, quyết định làm bản chất, quyết định cảnh đã sáng tỏ là ảnh tượng kia. Đồng thời như thế. Tâm số khác lần lượt đối nhau đều được làm ảnh tượng bản chất của cảnh. Tâm tán thế nào?

Đáp: “Trong tâm tán đều có tâm sở định. Theo tác pháp ở trước đều được có thể biết.

“Đức Thế tôn nói: “Nếu các hữu tình trụ tự tánh” trở xuống, là nói các kẻ ngu với tâm tán mà chấp cảnh, cũng không có “khác”, chỉ hiểu điên đảo, chấp có vật riêng.”

Pháp sư Thái nói trong đây không có chút pháp nào để quán chút pháp, nghĩa là theo lý Đại thừa, các pháp không có tác dụng, lúc tâm quán cảnh, không biết giữ lấy vật, nên không có pháp nào chấp chút pháp, tức tâm này lúc dựa vào cảnh sinh thì có ảnh tượng của cảnh như thế, hiện rõ trên tâm, nên giả nói tâm năng quán cảnh. Về lý, thật ra

phải nói là không có nhiều pháp để quán nhiều pháp. Kinh nói “Một ít, nghĩa là nêu chút để phá nhiều. Như dựa vào, mặt, gương sạch lấy bản chất làm duyên và cho rằng, ngoài bản chất ảnh tượng sở tri có riêng ở gương soi, mặt được hiện rõ.”

Luận sư Bị, Khuy Cơ nói: “Nhiếp luận nói: “Không có pháp khác có thể chấp pháp khác. Thức này như thế và sinh hiện rõ”. Do giải thích xưa này, có thể “duyên” ngoài tâm, không có khả năng chấp nào khác và ngoài cảnh, không có đối tượng chấp khác.

Nay, luận này ý muốn nói Đại thừa thấy các pháp tướng đã không có tác dụng, ta là chủ thể duyên (năng duyên), ta là đối tượng duyên (sở duyên), chỉ vì tâm thanh tịnh, nên tất cả các tướng đều hiện rõ nơi tâm, nên gọi là chấp cảnh (rộng như luận Phật Địa nói).

Lại, ý văn luận này nói không có chút pháp nào có tác dụng, hưởng chỉ các tâm và tướng mà có tác dụng hay sao, thế nên khi các pháp sinh. Do đạo lý này, nên không đồng với cách giải thích này.”

Thứ sáu, môn đơn song. Luận sư Cảnh nói: “Hoàn toàn tu quán”, nghĩa là nếu tác ý nối tiếp nhau, thì chỉ tư duy kiến phần của tâm, là đúng. Hoàn toàn “tu chỉ”, nghĩa là nếu tác ý nối tiếp nhau, tư duy kiến phần của tâm vô gián diệt ở trước la đúng.

Chỉ quán hoà hợp cùng chuyển, nghĩa là nêu chánh tư duy một tánh cảnh của tâm, thì chỉ khi chỉ quán đều cùng lúc thông đạt, ảnh tượng chỉ là thức kia, hoặc thông suốt chỉ quán này rồi, lại tư duy tánh như. Dưới đây, theo thứ lớp giải thích ba cảnh trước rất dễ hiểu.” Pháp sư Thái nói: “tướng phần của tâm thì nhiều, kiến phần chỉ một. Tỳ Bát Xa Na, Hán dịch là quán sát, nên được tư duy tướng phần của tâm. Tu riêng quán, tu riêng chỉ rất dễ hiểu. Cả hai, nghĩa là nếu khi thực hiện quán Duy thức, tướng, kiến hợp “duyên”, nên định, tuệ hòa hợp cùng chuyển. Luận sư Bị nói: “Định, tuệ đồng hiện hành, tư duy một tánh cảnh của tâm.”

7/ Có bao nhiêu môn? Đại khái có ba thứ:

a. Có tướng thuần tư duy, phân biệt ảnh tượng.

b. Tìm cầu riêng về chỉ, quán kia, người kia chưa khéo hiểu rõ đối với tất cả pháp. Vì khéo hiểu rõ, nên tác ý tự duy tất cả các pháp.

c. Từ Sát, nghĩa là khéo hiểu rõ các pháp, vì muốn chứng đắc giải thoát, nên tác ý tư duy.

Ba quán như thế, vì tăng trưởng dần, nên có biện biệt hơn, kém. Trong “chỉ”, tức do thuận theo tâm ba quán vô gián ở trước, nên như thứ lớp có ba. Hoặc tám, hoặc bốn như văn.

8/ Môn tùy Tín pháp hạnh. Như nói: “Dựa vào pháp chỉ quán, lại nói không dựa vào pháp chỉ quán.” Nghĩa này thế nào?” Phật đáp: “Tự nương theo giáo pháp, tư lương tu chỉ, quán, gọi là dựa vào lợi căn pháp hạnh. Nếu không theo kinh pháp, tin trực tiếp vào sự giáo huấn, truyền trao của thiền sư v.v..., để tu chỉ quán, thì gọi là không dựa vào pháp, là độn căn tùy tín hạnh.”

Trong đây, như Tát-bà-đa nói: Thanh văn kiến đạo, giai vị mười lăm tâm, lợi căn gọi là Pháp hành, độn căn gọi là Tín hành. Bồ tát hoàn toàn là pháp hành Độc giác cũng là Pháp hành. Bạt-ma nói: “Địa vị văn, tư, gọi là Tín hạnh, bốn địa vị hiện nhãn, gọi là pháp hành. Kiến đạo trở lên, gọi là vô tướng hành. Nay y theo Đại thừa, tín hành pháp, hành của Nhị thừa, về nghĩa thì đồng với nhà sau. Nếu theo Đối Pháp, cũng chung, nên cũng không trái với thuyết của luận gia trước.

Hồi hướng trong địa vị Bồ-tát trở xuống gọi là tín hạnh. Bốn gốc lành gọi là Pháp hạnh. Sơ địa trở lên, gọi là Vô Tướng hạnh. Địa tiền cũng có Lợi (căn nhạy bén), Độn (căn chậm lụt) khác nhau, Đẳng Địa trở lên, căn tánh đồng nhất.

9/ Môn “Duyên” pháp chung, riêng, trong đó có bốn:

1. Nói “duyên” chung, riêng, nói vô tướng, tu xuất ly các tướng. Trong chân pháp giới, dứt trừ sự khác nhau của giới mà tu tập. Trong vô tướng tu, có công dụng và không có công dụng. Nay chỉ rõ tu này là không có công dụng. Sự hơn kém trong không có công dụng không nhất định.

Nói “Tu hưng thịnh hoặc”, dù hưng thịnh sở đắc chút ít liền sinh hỷ túc, nên sau cùng nói tu không có hỷ túc.

Nói năm quả, chính là năm duyên đã nói trong đây.

Năm tu quả, là trong thời gian tư duy, sát na, sát na, tiêu dùng tất cả đối tượng nương tựa thô nặng, là tu chung quả. Chính vì tu chung, nên mỗi niệm dứt trừ, bỏ đi “sở y” thô nặng. Sở y thô nặng tức là Thức A-lại-da.

2. Lìa các thứ tướng được ưa pháp lạc, là quả của vô tướng tu. Lìa ngã, lìa pháp, tướng tướng Phật v.v... chứng nơi pháp giới, trong đó, mừng vui gọi là pháp lạc. Trong nhiếp luận nói được pháp viên lạc.

3. Hiểu rõ vô lượng quang, tướng không có khác nhau của mười phương, là tu quả không có công dụng. Do chánh chứng được Hậu Trí không có công dụng, tu xuất quán, như trước soi rõ tướng không có khác nhau của thế giới mười phương, gọi là pháp sáng suốt.

4. Việc làm đã hoàn tất, tương ứng với tướng vô phân biệt của

phần tịnh, thường hiện ở trước, là quả tu hưng thịnh. Quả Phật đương lai, gọi là thành mãn tương ứng với phần tịnh. Tu hưng thịnh này vì dẫn đến kia, tương vô phân biệt thường hiện ở trước.

5. Khiến cho pháp thân được thành mãn nên nhiếp thọ nhân sau sau chuyển thắng nhiệm mầu, là quả không có hỷ tức. Địa thứ mười, gọi là thành, ở Phật gọi là mãn.

Cảm nhân này gọi là mầu nhiệm thù thắng. Các nhân trước ở trước đã chiêu cảm. Tập hợp, nên gọi là nhiếp thọ sau sau, chuyển nhân mầu nhiệm thù thắng.

Thứ tư, nói về thông đạt và từ địa cực hỷ đầu tiên, gọi là thông đạt. Từ Địa Phát, Quang thứ ba, cho đến “gọi là đắc”, đây là duyên pháp chung đã tu Chỉ, Quán. Do chứng lý cùng tận, nên nói “Từ Sơ địa trở đi, gọi là Thông đạt”.

Y cứ tướng mà nói là Tam địa được định. Nói “Từ địa thứ ba trở lên, mới gọi là đắc. “Bồ-tát Sơ nghiệp cho đến không nên lười biếng, nghĩa là Bồ-tát Địa tiền cũng học quán chân như, học quán ba vô tánh v.v... của Duy thức, dù chưa đáng khen, nhưng không nên lười biếng, bỏ tu Chỉ, siêng tu Quán.”

10/ Môn ba địa, dùng hai lần “lại nữa” để giải thích. Luận sư Cảnh nói: “Đầu tiên giải thích Chỉ, Quán, như đã lấy hành tướng của pháp Tâm, Từ có thô tế làm hai thứ trước. Nếu tức đối với tất cả pháp tướng đều không có tác ý, lãnh thọ, quán sát thì gọi là không có tâm, không có từ. Đây là học quán chân như vô phân biệt quán, gọi là không có tâm từ. Ba pháp này đều ở Địa tiền. Y cứ ở hành, chia làm ba, không dựa vào Địa Sơ thiên v.v... của cõi Dục để nói.

Trong giải thích thứ hai, dùng bốn tâm, từ làm câu đầu, bốn trí như thật làm câu thứ hai, trí vô phân biệt làm câu thứ ba, cũng không y cứ ở địa để nói, chỉ y cứ ở hành để nói có ba.

Pháp sư Thái nói: “Lại nữa” ở trước là y cứ ở hạnh để phân biệt, nên có ở cả ba giới. “Lần lại nữa” sau, y cứ ở địa để phân biệt, lai đồng với nghĩa trong Bản địa phần.”

11/ Môn ba tướng: Luận sư Cảnh nói: “Nếu nói tâm điệu cử cho đến “là gọi là tướng Chỉ, nghĩa là hoặc tâm điệu cử, hoặc khi đối với cảnh điệu cử khởi. Tác ý tư duy “duyên” theo pháp bị chán và tác ý tư duy duyên theo tâm nhằm chán tự loại nối tiếp nhau, đó gọi là tướng “chỉ”.

Nói “Nếu tâm hôn trầm, cho đến “gọi là nêu tướng, nghĩa là nếu tâm hôn trầm, hoặc khi đối với cảnh hôn trầm, e hôn trầm, tác ý tư duy

“duyên” pháp đáng ưa thích, hoặc “duyên” tự loại nối tiếp nhau của tâm kia, gọi là nêu tướng.

Nói “Nếu hoàn toàn “chỉ” đạo cho đến “gọi là tướng “xả”, nghĩa là nếu hoàn toàn “chỉ”, hoàn toàn “quán”, và đạo song vận (vận dụng cả hai). Hai tùy phiền não v.v... đều che lấp Xả. Nay lia chướng ngại kia mà có tác ý không có công dụng và trong nhậm vận (tự nhiên) chuyển đã có tác ý, gọi là tướng xả.

Pháp sư Thái nói: “Định, gọi là tướng “chỉ” duyên kia trước diệt và vô gián, đều không ưa quán cảnh của tướng phần, nên được điều cử “chỉ”.

12/ Môn biết pháp nghĩa, trước hỏi, sau đáp. Trong đáp trước nói về biết pháp, sau nói về biết nghĩa. Trong biết pháp Luận sư Cảnh nói: “Vì tự tướng của danh thuyên, nên luận trên nói: “Từ tánh thêm lời nói, câu, giải thích về nghĩa khác nhau như các pháp vô thường v.v..., nên luận trên nói rằng, câu, nghĩa là sự khác nhau, thêm lời nói, chữ có, khả năng có thể luyến hòa danh với câu. Gọi là chỗ y chỉ, nghĩa là do tác ý của sở duyên khác nhau liền khởi gọi là tâm, nghĩa là do tổng hợp tác ý sở duyên; là tâm khởi câu. Hai thứ sau là tâm phát giáo pháp, danh của văn là pháp.”

Pháp sư Thái nói: “Nghĩa nhiệm, tịnh được giải thích, vì dựa vào danh, câu nên năng giải thích nghĩa lập, nên nói “y trì kiến lập”. Văn, tức là tục ngữ, nay đem chữ tục để làm rõ chữ giáo kia, nên tức là hai chữ sở y chỉ của danh, câu kia.”

Trong biết nghĩa, đầu tiên, do mười thứ tướng biết rõ về nghĩa. 2. Biết năm thứ, 3. Biết bốn thứ, 4. Biết ba thứ.

Trong biết mười thứ:

1) Biết tánh tận sở hữu, tức bờ mé riêng của phẩm nhiệm, tịnh pháp.

2) Biết tánh như sở hữu, tức các pháp như.

Dưới đây, sẽ nói về bảy thứ chân như. Pháp sư Khuy Cơ nói: “luận Trung Biên Phân Biệt cũng nói bảy thứ chân như này”.

Người xưa nói “Bảy chân như trong luận Trung biên, nghĩa là chánh chân như, thuận theo giải thích chân như kia, nói là khổ, nói là khổ đế v.v....” Nay giải thích ý của luận này do khổ đế v.v... gọi là chân như.” Gọi là thể của chân như chẳng phải chân như

Nếu theo luận này thì đều là chân như. Y cứ giải thích để nói có bảy thứ.

Có chỗ giải thích: “Bảy thứ với pháp, an lập lý thú, thuộc đương

đạo lý, tức gọi là chân như. Đây lại có bảy thứ:

1. Lưu chuyển như, nghĩa là tất cả hành không có tánh trước, sau, nên nói các hành không có tánh trước, sau. Nói về lý này tức gọi là chân như.

2. Chân như tướng. Hai thứ vô ngã của nhân, pháp là tướng. Chân như, thể của tướng, gọi là chân như tướng, nên dưới đây nói là tám, nghĩa là biết rõ nghĩa chân như tướng.

Có tướng vô ngã của Bồ-đặc-già-la. Do rốt ráo là không v.v... làm đối trị.

3) Liễu biệt như, nghĩa là tất cả hành chỉ là thức tánh, nghĩa là thể của thức liễu biệt (phân biệt rõ). Thức liễu biệt là thể tướng của các pháp, gọi là liễu biệt chân như.

4) An lập như, nghĩa là khổ đế: Khổ thật không thể làm cho vui, tức gọi là chân như. Ba đế còn lại cũng thế. Bốn đế đều là an lập. Khổ rất ở đầu tiên được an lập tên. Ba thứ sau lại đặt tên gọi là riêng, rất dễ hiểu.

Dưới đây, là nói về cuộc hạn chung. Trong bảy thứ này, lưu chuyển an lập tà hạnh, ba như, chúng sinh đồng có hai thứ vô ngã như, và Duy thức như. Các pháp v.v... là có, vì chung cho các pháp. Thanh tịnh như, ba thừa đồng có. do ba thừa dứt hoặc, đồng chứng trạch diệt, trạch diệt chân như ba thừa đồng có. Do chánh hạnh chân như, chỉ quán bình đẳng. Ở đây tức chỉ rõ bốn thứ bình đẳng.

5) Kiến lập nghĩa: Khí thế giới, trong đó có thể được kiến lập tất cả giới hữu tình v.v..., nghĩa là nhân khí thế giới thành thọ chúng sinh, gọi là kiến lập, tức giới chúng sinh là chỗ kiến lập. Trong đây, ý lấy khí thế giới năng kiến lập, nên văn nói là một làng ruộng, hoặc một trăm làng ruộng v.v.... Văn còn lại rất dễ hiểu. Biết khắp sự việc trong năm nghĩa, nghĩa là biết thể của các pháp. Biết khắp nghĩa, tức là biết nghĩa khác nhau. Duyên, là bốn duyên, đời là ba đời.

Nói “biết khắp nhân”, nên biết chính là người có thể lấy hai Bồ-đề phần pháp ở trước. Pháp sư Thái nói: “Bốn niệm trụ làm một. Bốn chánh đoạn và thân tức, lựa, giác, đạo, chung làm một. Vì hai chủ thể lấy được Bồ-đề, nên nói hai.

Lại giải thích: “Ba mươi bảy phẩm “duyên” hai cảnh trước, nên nói hai: Luận sư Cảnh nói: Trước nói Bồ-đề vô thượng và Bồ-đề nhị thừa, nên nói hai Bồ-đề ở trước”.

Biết được khắp quả, nghĩa là tham, giận, si, dứt Tỳ-nại-da: nghĩa là điều phục tham hỷ v.v.... Lại tham v.v... dứt trừ hỷ quả của các Sa-

môn, là Trạch diệt, Đoạn đức.

Và Thanh văn, Như lai hoặc đức chung (cộng), không chung (bất cộng), thế, xuất thế, tức phẩm đạo trong đạo để hữu vi, gọi là cộng. Mười lực v.v... gọi là bất cộng.

Đối với Giác liễu này, tức là đối với pháp tác chứng của diệt đạo này, các trí giải thoát đã tự giác liễu, vì người khác, khai thị giác liễu cho họ, gọi là giác liễu.

Biết trong bốn nghĩa, Luận sư Cảnh nói: “1. Nghĩa nhất tâm chấp thọ, nghĩa là biết tâm mình đã chấp lấy cảnh, như văn dưới đây sẽ nói. 2. Nghĩa lãnh nạp, nghĩa là biết nghĩa nhận lãnh của ba thọ. 3. Biết nghĩa liễu biệt, nghĩa là biết nghĩa liễu biệt (phân biệt rõ) của thức. Pháp sư Thái nói: “Tức cảnh của bốn niệm trụ, như thứ lớp bốn nghĩa.

Trong biết ba nghĩa: Một nghĩa vẫn là giáo, hai nghĩa của nghĩa là đối tượng giải thích: tức có mười thứ: 1. Tướng chân thật, tức của pháp chân như. Bốn thứ kế là bốn Đế. 6. Tức tướng khác nhau của phẩm sai biệt tướng như tướng chân thật, v.v... tức năm nghĩa trước, mỗi nghĩa đều có phẩm loại khác nhau.

7) Tướng hệ thuộc nhau của sở y, năng y: Nghĩa là sở y (đối tượng nương tựa), gọi là năng y (chủ thể nương tựa), là tướng thuộc nhau.

8) Tức biết khắp các pháp tướng chướng ngại: Tức hoặc dưới bốn đế.

9) Tức thuận theo pháp tướng kia, nghĩa là tức thuận theo các hình tướng “hoặc” dưới của bốn đế kia.

10) Không biết khắp v.v... và đức biết khắp v.v.... Nghĩa của ba giới, nghĩa là năm thứ giới:

1. Khí thể giới là chỗ cư trú.

2. Giới hữu tình, tức hữu tình năng ở.

3. Pháp giới, tức là pháp môn đã nói, nghĩa là uẩn, giới, xứ v.v....

4. Giới điều phục tức Niết-bàn diệt đế.

5. Điều phục giới phương tiện, tức là đạo đế.

Lại, điều phục giới là Thánh đạo, điều phục giới phương tiện là phương tiện trước của kiến đạo (Dựa vào điều phục này, về sau sẽ giải thích).

Niết-bàn được xếp vào pháp giới.

13) Môn ba tuệ: Luận sư Cảnh nói: “Tuệ do văn thành dựa theo văn để so sánh, suy lường, chỉ vì như thuyết kia nói là chưa hiểu rõ ý thú dưới của văn, chưa hiện chứng biết, tức chẳng phải hiện lượng. Nhưng tỉ lượng chỉ thuận theo Niết-bàn, giải thoát. Tuệ do tư thành cũng dựa

vào văn, không chỉ như thuyết, cũng là ý thú tốt lành, chưa hiện chứng biết vượt hơn văn tuệ ở trước, gọi là chuyển thuận, dù văn tuệ vượt hơn, cũng chưa hiện thọ nghĩa lợi giải thoát. Tuệ do Tu thành vừa dựa vào văn, vừa không dựa vào văn, vừa như thuyết vừa không như thuyết. Y cứ tu tuệ hữu lậu và trí hậu đắc duyên lý và tướng ảnh tượng của sự, khởi hiện ở trước, nên nói rằng “ý thú khéo léo phần đồng của sự sở tri vượt hơn trong ba tuệ, ảnh tượng sở hành của Tam-ma-địa, gọi là rất thuận với giải thoát. Lại chủ thể lãnh thọ nghĩa lợi giải thoát không đồng với Tỳ-đàm. Văn Tuệ dựa vào giáo, hoặc lìa giáo. Tu tuệ hoàn toàn lìa giáo, như ba người học bơi : Người thứ nhất gài bờ. Người thứ hai, vừa bơi gài, vừa bơi cách bờ, người thứ ba hoàn toàn cách xa bờ. Luận Câu-xá phá rằng: Nếu Tư, dựa vào giáo, thì không khác văn tuệ. Nếu Tư lìa giáo, thì không khác với tu tuệ, nên nói “Văn tuệ dựa vào giáo mà không thể tư duy, dựa vào giáo, mà có thể phân biệt.”

Luận sư Bị nói: “Nay, ba tuệ trong văn này có thể “duyên” theo giáo, nhưng tu tuệ “duyên” phát là y cứ ở xa chẳng phải gài.”

14) Môn trí kiến khác nhau. Nếu “duyên” lý, tuệ mẫu nhiệm của pháp chung, gọi là trí. Nếu “duyên” sự, diệu tuệ của pháp riêng, gọi là kiến. Vì thuận theo sự tìm cầu, nên được gọi tên.”

15) Môn bỏ tướng mới chấp, trong đó có ba: Đầu tiên là nói về tác ý trừ tướng. Kế là nói về chân như vô tướng, nên không có đối tượng bỏ. Sau giải thích văn kinh.

Đầu tiên nói: Bồ-tát Tu hành chỉ quán, do tác ý nào? Là câu hỏi thứ nhất. Do tác ý nào mà tu chỉ quán? Nói những gì? Là câu hỏi thứ hai. Câu hỏi thứ hai “Đối tượng bị dứt bỏ kia là pháp nào? Thế nào là trừ bỏ?” là câu hỏi thứ ba. Hỏi: “Có thể trừ bỏ thực hành quán hạnh nào? Dưới đây là đáp:

Do “duyên” tác ý chân như là đáp câu hỏi đầu. Do “duyên” tác ý chân như mà tu chỉ quán, nói là dứt bỏ pháp tướng và nghĩa tướng.

Câu hỏi thứ hai, trừ bỏ những gì? Nay, đáp: “khi Duyên Như, tu chỉ quán, nói là trừ bỏ pháp tướng và nghĩa tướng, tức trừ tướng phần.”

Văn này nói chính khi chứng biết, ảnh tượng bất biến giống với tướng chân như.

Nói “Nếu đối với danh v.v... kia v.v... ” trở xuống, là đáp câu hỏi thứ ba.

“Thế nào là quán hạnh trừ bỏ các tướng?” Nay, đáp: “Trước kia, ở Địa tiền, Tâm, Từ như thật, các thứ tìm cầu, biết danh v.v... là giả. Nay, khi nhập kiến đạo chứng chân như. Cảnh, Trí, Bình đẳng, Vô phân biệt

hạnh, không được gọi là tánh, không được gọi là “sở y”.

Trong môn Duy thức, danh dựa vào thức, thức là chỗ nương tựa, cho nên nói: “Nếu đối danh và tự tánh của danh kia không có chỗ chứng đắc thì cũng không bị tướng sở y dứt trừ như thế”.

Nói “như đối với danh cho đến “cũng thế”, Đây là y cứ năm tướng trước để biết pháp nghĩa là biết danh, biết cú, biết văn, v.v... và mười tướng biết nghĩa, cho nên so sánh như đối với danh, cú, văn, đối với tất cả nghĩa nên biết cũng thế, nói cho đến với giới, cho đến dứt bỏ như thế. Trong văn trên, đầu tiên là dùng năm tướng để biết pháp. Mười thứ biết nghĩa, lại biết năm nghĩa. Lại biết bốn nghĩa, lại biết ba nghĩa. Ba nghĩa là:

1. Nghĩa văn.
2. Nghĩa nghĩa.
3. Nghĩa giới.

Nghĩa của giới, tức là năm giới như khí thế giới v.v... Bồ-tát Địa tiền thực hành quán năm thứ giới này, cũng chỉ là thức, thức là chỗ nương nên nói: “Cho đến đối với giới và tự tánh giới lúc không có sở đắc, cũng không quán tướng nương tựa kia, trừ bỏ như thế.”

Kế là, nói về chứng chân như vô tướng, cho nên không có đối tượng bỏ.

Ý hỏi: “Trí vô phân biệt chính là chứng chân như. Tướng chân như này có thể dứt bỏ hay không?”

Ý đáp: “Nếu ngay khi chứng, thấy có tướng như có sở đắc, tức có cái dứt bỏ, mà đối với trong nghĩa chân như được hiểu rõ, đều không có tướng, cũng không có sở đắc, thì sẽ bỏ cái gì? Văn này là nói chứng trí không có tướng phần. Vì tướng phần không có, nên cũng không có kiến phần.”

Lại giải thích: “Có kiến, không có tướng, nói là ta biết rõ v.v... cho đến “Chẳng phải hiểu rõ này, tướng còn lại có thể điều phục, nghĩa là chưa chứng trở xuống, lấy tướng nghĩa của pháp, lúc chính chứng chân như, điều phục tướng của nghĩa pháp được lấy ở trước, chẳng phải ngay khi chứng liễu đạt chân như này, còn các tướng làm chủ thể điều phục khác nữa, nên nói “chẳng phải liễu đạt này là chủ thể điều phục khác. Dưới đây sẽ giải thích văn kinh:

“Thế tôn v.v... cho đến đây là nói những gì có thể quán sát tâm?”

Hỏi: “Thế “năng quán” (chủ thể quán) dựa vào chân như nào mà nói lời này?”, Hỏi: “Chân như “sở quán” (đối tượng quán)?” Dưới đây là đáp:

Ba Tuệ là chủ thể quán sát. Dựa vào rõ biết chân như mà nói lời này. Trong thí dụ đã nói: “Khi nước trong, gương soi sạch, không khuấy động suối, ao, thì có thể ngắm xem các hình tượng. Trong biết hợp, nếu người khéo tu tâm thì sẽ có thể quán chân như. Biết là duy thức rõ biết chân như, vì tất cả cảnh giới của môn Duy Thức đều là ảnh của tâm. Đầu tiên, quán cảnh Duy thức. Sau, quán thức như, gọi là rõ biết chân như, nên nói như thế.”

16) Môn dựa vào “không”, trừ bỏ tướng, trong đó có hai: trước nói về mười tướng quán “không” trừ bỏ. Sau là nói tướng tánh đều là “không”.

Trong phần trước có ba: Đầu tiên, là nói về mười bảy “không” trừ bỏ mười tướng. Kế là nói về quả mà “không” đã được. Sau là nói đạo lý quán “không” bỏ tướng.

Phần đầu, trước hỏi, sau đáp: Trong câu hỏi, có mấy thứ tướng khó có thể dứt bỏ? Là câu hỏi thứ nhất. Ai có khả năng dứt bỏ, là câu hỏi thứ hai.

“Này người thiện nam! Có mười thứ tướng là đáp câu hỏi đầu, không có khả năng dứt bỏ, là đáp câu hỏi thứ hai phải biết mười tướng đều là Biến kế sở chấp, đều quán “không” để dứt bỏ:

1. Chấp nghĩa các hành quyết định là “có”, tức quán tất cả pháp “không” để trừ bỏ, vì nghĩa của pháp đã chấp gồm thấu tất cả pháp, nên quán tất cả pháp “không” để trừ bỏ.

2. Bốn đế như khổ v.v... đều là an lập. Vì khổ đế xếp vào đầu tiên, nên tiêu biểu an lập. Trong đây nêu như, lấy an lập khổ. Ở đây có hai chấp:

1. Chấp khổ có tánh sinh, diệt, trụ, dị. Đây là quán tướng không để trừ bỏ.

2. Chấp khổ có tùy chuyển nối tiếp nhau. Quán không có trước, sau, “không” thể chính trừ bỏ Biến kế sở chấp vốn là không nên chẳng có trước, sau.

3. Do biết rõ sáu căn là chủ thể lấy, tức có đoái tưởng, lưu luyến, chấp mắc trong thân, quán bên trong là “không” để trừ bỏ. Do chấp ngã, nên khởi ngã mạn. Quán không có sở đắc, có thể chính trừ bỏ, vô ngã có thể được. Thế nào là khởi mạn?

4. Như văn rất dễ hiểu.

5. Chấp có tướng yên vui bên trong. Do “không” bên trong trừ bỏ chấp trần tịnh bên ngoài. Do “không” bên ngoài trừ bỏ chấp có nam nữ, phụng sự tương ứng với tiền của, công cụ. Do bản tánh không trừ bỏ,

cũng có thể do tánh không trừ bỏ chung các chấp vui trong, tịnh ngoài v.v....

6. Biết rõ khí thế giới kiến lập hữu tình, tức là chấp có tướng vô lượng mười phương. Do đại không trừ bỏ.

7. Bốn “không” của Chấp kia cho là giải thoát, do “không” hữu vi trừ bỏ.

8. Nếu chấp tướng của hai vô ngã, dùng rốt ráo “không” thế trừ. Nếu chấp tướng Duy thức, thì sẽ dùng chẳng có tánh không để đối trị. Nếu chấp y tha là tướng của Thắng nghĩa, thì sẽ do tự tánh của vô tánh, nhân tánh “không” để trị. Nếu chấp Viên thành thật là Thắng nghĩa khác, thì đây là do “không” thắng nghĩa để trị.

9. Như văn.

10. Chấp có chín chủ thể trị tánh “không” ở trước, tức quán “không”, “không” làm đối trị, nghĩa là quán chủ thể trừ tánh “không” cũng “không”. Kế là, nói về quả do “không” mà được.”

Ý hỏi: “Khi dứt bỏ mười tướng Biến kế sở chấp, trong tâm quán “không” vẫn có ảnh tượng “không” giống với Y tha, tùy tâm “không” biểu hiện. Từ “quán không” này nhập vào chứng trí, tức trừ tướng phần giống với ảnh tượng “không”. Tướng phần đã trừ, tức từ tất cả tướng tạp nhiễm, hạt giống ràng buộc, được giải thoát. Tâm chấp giải thoát cũng đều xa lìa, nên nói “bị cũng trừ bỏ”.

Dưới đây là nói về lý quán “không” để trừ bỏ tướng. Mỗi quán không đều bỏ mười tướng. Mà nói “không” đầu tiên đối trị tướng ban đầu v.v..., nghĩa là y cứ vượt hơn mà nói. Đây tức là tướng, gần đối trị để nói, chẳng phải không mỗi quán đối trị tất cả tướng. Dùng thí dụ so sánh, rất dễ hiểu. Dưới đây là nói về tướng của tánh “không” chung, trước hỏi, sau đáp. Trong đáp, trước khen, hỏi, hứa nói. Sau, chính thức đáp câu hỏi trên.

Luận sư Cảnh nói: “Dùng mê y tha, Viên thành để khởi Biến kế sở chấp. Nếu tổ ngộ y tha và Viên thành thật chẳng phải là pháp bị chấp, thì sẽ biết sở chấp là không, gọi là tánh “không” chung”.

Pháp sư Thái nói: “Nói riêng có mười bảy “không”. Nói chung, chỉ đối với Y tha và trong tánh tướng của Viên thành thật, rốt ráo xa lìa tướng Biến kế sở chấp và đây đều không có cái được. Vì tất cả “không” trong Nhiếp Đại thừa, đều cùng tận nên gọi là “tổng không”. Nếu hiểu rõ “không” này rồi, thì sẽ có hai điều lợi:

1. Không mất chánh hạnh.
2. Lìa tăng thượng mạn.

17) Môn nhiếp thọ rất dễ hiểu.

18) Môn nhân quả. Chỉ, Quán ở học địa dùng tịnh thi-la và Văn tự, chánh kiến để làm nhân. Đây là “duyên” nhân. Nếu hạt giống của Chỉ, Quán dùng làm chánh nhân, quả chỉ, quán thì dùng tuệ tâm thiện tịnh, của Phật địa để làm quả của chỉ quán kia. Lại tất cả pháp thiện xuất thế của Thanh văn Vô Học và Phật, đều là quả của Chỉ, Quán ở Hữu học.

19) Môn tác nghiệp. Nghĩa là có khả năng giải thoát, sự ràng buộc nhau và ràng buộc thô nặng. Ràng buộc thô nặng, là hạt giống kiến phần của các phiền não. Ràng buộc nhau tức là hạt giống của tướng phần phiền não. Lại hiện khởi tướng, kiến, cũng là hai ràng buộc.

20) Môn chương Chỉ, Quán: Trước nói về năm trói buộc, sau nói về năm cái.

Trong phần trước, đoái tưởng, luyến ái thân, đoái tưởng, luyến tiếc của là che lấp chỉ. Đối với Thánh pháp không được thuận theo dục, chương ngại quả quán. Ưa lẫn lộn nhau và thiếu dục hỷ túc, không ưa tu nhiều, đều chương ngại chỉ. Quán. Do phước thứ nhất, nên không thể tạo tu, ưa ở lẫn lộn nhau. Do phước thứ hai, nên tu gia hạnh không đến rốt ráo, nghĩa là thiếu dục hỷ túc. Cái che lấp như văn.

21) Môn thanh tịnh viên mãn. Ở trước nói về hôn trầm, thù miên che lấp quán. Nay, nói dứt trừ hôn trầm, ngủ nghĩ tâm đạo viên mãn, nhờ chỉ mà phát quán, chỉ là nhân ấy, quán là quả ấy. Nêu lia quả chương, hiển bày nhân viên mãn, cho đến tất cả điều cử, ác tác, chánh thiện trừ bỏ, gọi là đạo quán viên mãn. Đây cũng là nêu lia nhân chương ngại thân, làm rạng rỡ đạo quả một cách viên mãn.

22) Môn tán, động. Chỉ quán hiện ở trước, có năm pháp của tâm tán động:

1. Tác ý tán động, nghĩa là các Bồ-tát xả bỏ Đại thừa, thuận theo tác ý của Đại thừa.

2. Tán động ngoài, nghĩa là tất cả lấy tâm, từ tùy phiền não của năm dục bên ngoài lấy tâm tư làm thể. Và đối với cảnh ngoài, tâm buông thả, lưu tán, lầy tâm vương tán.

3. Nội tâm tán động, nghĩa là người đã lìa dục, do hôn trầm v.v..., cho đến định khởi vị ái v.v..., gọi là tán động bên trong.

4. Tướng tán động, nghĩa là ảnh tượng đã hiện trong nội định. Tác ý tư duy, chấp ngoài nội định, đã lấy sắc tướng, gọi là tướng tán động.

5. Tán động thô nặng, nghĩa là chấp mừng, vui trong định, cho là “ngã sở”. Chấp thân thô nặng làm ngã, khởi mạn, gọi là tán động thô nặng.

23) Môn đối trị chướng. Sơ địa trừ nghiệp phiền não của đường ác, sinh chướng tạp nhiễm, nghĩa là trong quyển bảy mươi tám dưới, sẽ nói về hai mươi ba ngu si:

1. Chấp nhân, Pháp.

2. Đường ác tạp nhiễm, nghĩa là chung cả sinh nghiệp phiền não. Trong đây chỉ có ngu thứ hai. Địa luận nói: “Chướng ngã chấp của phàm phu, chỉ thích hợp với ngu thứ nhất. Địa thứ hai đối trị với chướng hiện hành của phàm sai lầm vi tế. Dưới đây sẽ nói về Nhị Địa có hai ngu si:

1. Ngu phạm sai lầm vi tế.

2. Các thứ nghiệp hưởng đến ngu si, đây là ngu thấy ba hành khác nhau của ba nghiệp, trong đây chỉ có một ngu đầu tiên. Địa luận nói: “Tà hạnh che lấp các thân v.v.... Tức tương đương với ngu thứ hai.

3. Địa đối trị với chướng dục tham. Dưới đây sẽ nói vềba địa có hai ngu si:

1- Dục tham che lấp định.

2- Ngu về nghe viên mãn, văn trì Đà-la-ni, trong đây chỉ có một ngu ban đầu. Địa luận chép: “Tướng tối tăm tương đương với dục tham, chướng đố kỵ của pháp văn, tư, tu v.v... tức tương đương với ngu thứ hai.

Bốn Địa đối trị ái định và che lấp ái pháp. Ba địa cầu pháp, gieo mình vào hầm lửa v.v... nên có pháp ái.

Tương đương chung dưới đây là nói hai thứ, nên dưới đây luận nói rằng, Tứ Địa có hai cái ngu:

1- Ái đẳng trì.

2- Ái Pháp.

Địa luận chép: “Chướng mạn hiểu pháp, đều không tương đương với hai cái ngu, vì ái, mạn khác nhau. Lại có thể do định vượt hơn và vì pháp giải nên sinh ngã mạn. Định là pháp hạnh và pháp trì giáo, sinh ngã mạn, gọi là chung là chướng mạn của pháp giải thoát.

Ngũ địa đối với chướng sinh tử, Niết-bàn, hoàn toàn trái với thứ hưởng, đồng với hai ngu dưới, hợp một trong đây. Dưới đây chia ra trái với thứ hưởng, thành hai Địa luận chép: “thân tịnh che lấp ngã mạn, vì dùng phẩm tâm đạo, thân tịnh, gìn giữ lấy, nên sinh nga mạn. Đối với sinh tử trái với hưởng Niết-bàn, rất đồng với ở đây.

Lục địa đối trị chướng tướng, phần nhiều hiện hành chướng. Trong Ngũ địa, dứt trừ hai ngu trái với thứ hưởng. Nay Lục địa dứt nhiều tâm nhằm chán trái, do quán tướng của mười hai duyên phần nhiều hiện hành, nên dứt trừ tướng phần nhiều hiện hành chướng. Dưới đây nói

Lục Địa có hai thứ ngu, hiện tiền quán sát các hành lưu ngu si. Ngũ địa không thể duyên khởi hiện quán, gọi là ngu. Hai tướng thường hiện hành là ngu si. Năm địa dù đoạn trái với thú hưởng, nhưng tâm của tướng nhàm trái phần nhiều hiện hành. Trong đây, hợp với ngu thứ hai. Địa luận chép: “Chướng tập vi phiền não Vi, tương đương chung với hai thứ, trước hình gọi là vi. Thất địa đối trị chướng hiện hành của tướng tế. Thất địa đã dứt trừ chướng, vẫn còn thấy sinh, diệt vi tế, gọi là chướng hiện hành của tướng tế. Dưới đây nói về thất địa có hai ngu:

1. Hiện hành của tướng vi tế, tức tương đương với thuyết này.
2. Ngu si về vô tướng tạo nên công dụng.

Thất địa đối với vô tướng dù có công dụng, mà vẫn nhập chân quán lâu dài. Vì Lục địa không thể chướng ngại thất địa, nên trong thất địa dứt trừ cái ngu vô tướng tạo ra công dụng, Địa luận chép: “Chướng tập tướng đế, cũng tương đương với một ngu đầu. Bát địa đối trị với công dụng của vô tướng và chướng đối với hữu tướng không được tự tại.

Dưới đây, nói rằng Bát địa có hai thứ ngu si. Bát địa đối với vô tướng không có công dụng. Đối với tướng tục, lợi người có công dụng, lợi mình không có công dụng. Thất địa không đồng với chướng Bát địa. Dứt trong Bát địa: 1- Đối với vô tướng, tạo ra công dụng. 2- Ngu đối với tướng, được tự tại. Trong vô tướng kia với tướng này, khai, hợp là khác. Địa Luận chép: Đối với vô tướng có chướng hành, chỉ tương đương với một ngu đầu. Cửu địa đối trị với tất cả thứ ngôn từ khéo léo, chướng không được tự tại. Dưới đây, nói cửu địa có hai thứ ngu si.

1. Nói pháp vô lượng, vô lượng pháp cú, văn tự. Tuệ sau sau, nói về ngu Đà-La-Ni tự tại.
2. Ngu biện tài tự tại.

Trong ngu kia với ngu này khai, hợp là khác. Địa Luận chép: “Chướng không thể khéo léo làm lợi ích chúng sinh. Thập địa đối trị chướng không được chứng đắc pháp thân viên mãn. Dưới đây, luận chép: “Thập địa có hai ngu si:

1. Ngu si đại thần thông.

2. Ngu si ngộ nhập bí mật sâu kín. Trong cái ngu kia và ngu này cũng khai, hợp thành khác. Địa Luận chép: “Chướng Thập địa không được tự tại đối với các pháp, cũng đồng với ngu này. Ở Địa Như lai, đối trị với phiền não vi tế, rất vi tế và sở tri chướng, hai thứ này đều là pháp dứt hai chướng phẩm hạ hạ của Phi tướng. Dục, chấp mắc là chướng phiền não, ngăn ngại là sở tri chướng. Văn này chứng minh cho khả năng dứt hẳn chướng như thế, nên rất ráo chứng đắc tất cả tri kiến v.v...

vô trước, vô ngại. Dưới đây luận nói: “Địa Như lai có hai ngu si:

1. Ngu si đối với tất cả cảnh sở tri, chấp mắc rất vi tế, cũng là phẩm hạ phiền não của Phi tướng.

2. Ngu si ngại rất vi tế, cũng là phẩm hạ sở tri của Phi tướng, nên đồng với ngu kia, khai hợp thành thác.

Địa luận dù không nói có chương thứ mười một, nhưng ở địa thứ mười, chương không được tự tại đối với các pháp, tức gồm thu chấp mắc vi tế và ngại vi tế của Phật, vì y cứ ở nghĩa rất tế trong chương thứ mười, nói là Phật chương. Luận thật lại là tâm Kim cương đoạn, nhưng đối với nghĩa này, có hai giải thích:

1/ “Theo Nhiếp Luận bản cựu dịch, đối với dứt trừ chương của Sơ địa, nhập Sơ địa, địa khác so sánh như thế. Lại, như kinh bản nhiếp chép: “Qua địa thứ mười có trụ địa Đăng giác. Học này trong muôn ba ngàn kiếp, tức trụ đẳng giác trụ, dứt trừ chương của Phật địa mới vào diệu giác.

2/ “Theo mười một chương này, văn đồng nói là trí cũng dứt trừ chương của mình.”

24) Môn tu chứng Bồ-đề: Nói “Nếu các Bồ-tát đã được chỉ, quán, dựa vào bảy chân như, cho đến chánh tư duy bên trong v.v...” nghĩa là trong địa vị gia hạnh ở trước, thuận theo giải thích, quát sát, bảy thứ chân như, khéo xem xét tư duy an lập bảy thứ chân như. Nội chánh tư duy trong tánh như, do tư duy nên tất cả tướng tế đều có thể dứt bỏ, nghĩa là thuận theo tướng phần ảnh tượng của các tâm. Đã dứt các tâm, cũng tức xả bỏ các tướng tùy tâm.”

Pháp sư Thái nói: “Bảy như trong đây chẳng phải Viên thành thật.”

Lại giải thích: “Người xưa dựa vào luận Trung Biên chép: “Bảy thứ chân như đều là chân như, mà nói chân như của khổ đế. Khổ đế nghĩa là từ chủ thể giải thích được tên gọi.

Nói tâm sở chấp thọ, lanh nạp, rõ biết tướng nhiễm, tịnh, tức là bốn niệm trụ. Khổ có tướng đối khác, không có đối khác khổ khổ, khổ hoại gọi là có đối khác, khổ hành gọi là không có đối khác. Lại giải thích: “Đối khác là tướng khổ, không đối khác là khổ, không có tánh thật. Tướng khác của hữu vi, nghĩa là sắc tâm v.v... khác nhau. Tướng đồng, nghĩa là đồng khổ vô thường v.v... là đồng, hoặc biết tất cả là tất cả đã có. Tất cả tướng, nghĩa là biết tất cả pháp. Đã là tất cả, tức có “tất cả tướng”. Người kia vì đã phân nhiều trụ hạnh như thế, nên khéo tu sửa tâm. Đối với bảy chân như có bảy, mỗi chân như đều riêng tự sở chứng

nội tại, trí thông đạt sinh, gọi là kiến đạo, nghĩa là do ở bả như đều tự chứng riêng làm phương tiện, nên về sau, nhập quán tướng, quán các chân như, trí thông đạt sinh, gọi là kiến đạo, tức nhập Sơ địa. Do được Sơ địa này, nên gọi là nhập chánh tánh ly sinh của Bồ-tát, là lỗi nhập vị. Sinh vào nhà Như lai, đây là nói về lỗi nhà. Lại năng thọ dụng đức vượt hơn của địa này, là sáu lỗi còn lại. Người đó, từ trước đã không có lúc nào do được chỉ, quán, nên đã được hai thứ sở duyên, nghĩa là có phân biệt sở duyên của ảnh tượng và sở duyên của ảnh tượng vô phân biệt. Văn này tự phán quyết hai thứ ảnh tượng là sở duyên chỉ, quán của Địa tiên. Người kia ở vào thời nay, vì được kiến đạo, nên lại chứng đắc sở duyên của việc bờ mé, nghĩa là tướng này nói tướng tu chứng sở duyên thứ ba. Nay, lại nói sở duyên của kiến đạo, tức nói chân như gọi là việc bờ mé, vì chân như kia ở khắp các pháp đế, gọi là bờ mé của đế. Văn này tức nói trí chứng “duyên” như, không biến ra ảnh tượng. Nếu biến hóa giống với ảnh tượng của chân như kia, tức là ảnh tượng vô phân biệt đã gồm thu, sao lại phán quyết rằng sở duyên của hai ảnh tượng là Địa tiên ư? Lại, sở duyên của kiến đạo, sao chỉ gọi là việc bờ mé ư? Lại nữa, về sau, tiến tu, tu đạo trong tất cả Địa sau, tức tác ý tư duy sở duyên của ba thứ như thế, đây là nói về trí tu đạo “duyên” việc bờ mé. Hậu trí “duyên” biến đổi hai thứ ảnh tượng, nên nói tu đạo tác ý tư duy đối với ba sở duyên”.

Dưới đây là là dụ thuyết:

Dùng cái nệm tế để lấy ra cái nệm thô, dùng đạo vượt hơn để xả bỏ đạo kém, dần dần dứt bỏ tướng và thô nặng, cho đến chứng đắc A Nậu Bồ-đề. Đây gọi là chứng đắc Vô thượng Đăng chánh giác. Lại được việc làm thành mãn sở duyên, tức phán quyết cảnh này ở nơi Phật địa. Việc của Phật địa làm, đều là cảnh của trí thành tựu viên mãn, gọi là sở duyên thành mãn của việc làm. Đã duyên pháp nào? không lìa ba pháp trước. Đức Như lai chứng lý đã có chỉ, quán “duyên” cảnh việc bờ mé đế. Đức Như lai “duyên” để tất cả Chỉ, quán là hai ảnh tượng. Ba pháp này làm sở duyên chỉ quán của Phật, gọi là chung là sở duyên thành mãn của việc làm.”

25) Môn dẫn phát oai đức. Bồ-tát khéo biết sáu xứ, tức là có thể dẫn phát oai đức rộng lớn. Một/ khéo biết tâm sinh, nghĩa là biết như thật mười sáu thứ tâm hữu lậu, vô lậu sinh khởi khác nhau:

1- Không thể giác biết, nghĩa là hành tướng của A-lại-da khó biết, trụ vững chắc nối tiếp nhau, gọi là trụ vững chắc.

Khí Thức sinh, nghĩa là “năng biến”, năng duyên” khí thế giới

bên ngoài, nói là thức A-Đà-Na, Hán dịch là chấp trì, chấp trì căn đại và hạt giống các pháp.

2. Các thứ hành thức sở duyên thức sinh, nghĩa là ý thức phân biệt, chấp ngay tất cả cảnh giới như sắc v.v..., tức là ý thức thứ sáu tùy tạo nên một thứ hạnh giải, chấp ngay các pháp, nên nói là các thứ hành tướng. Chấp ngay sắc v.v... và chấp ngay giác thọ của cảnh giới trong, ngoài nghĩa là tự thức chấp ngay cảnh xúc trong, ngoài mà sinh giác thọ. Hoặc một niệm tức khắc hiện nhập nhiều định, với ý thức phân biệt thấy nhiều cõi Phật, thấy nhiều Như lai. Đây là y cứ ở Hậu trí của Bồ-tát trong đại địa tại định thấy được nhiều Phật v.v..., vì chẳng phải chính chứng trí, nên gọi là phân biệt.

3/ Bốn thứ sở duyên của tướng lớn nhỏ, sinh, nghĩa là thức trời buộc dục, sắc, nghĩa là y cứ “duyên” thân trong của hai cõi, nên có nhỏ, lớn. Ba tâm kế là “duyên” bốn Vô Sắc.

8. Thức vô tướng sinh, nghĩa là thức xuất thế: Thức vô lậu không có bảy thứ tướng, gọi là thức vô tướng và “duyên” thức diệt, nghĩa là chung cho tâm hữu lậu, vô lậu. “Duyên” cảnh vô tướng, gọi là vô tướng thức.”

Lại, giải thích: “Và “duyên thức diệt định”. (Có bản khác chữ “giảm”, đúng là viết lầm).

Kế là có năm tâm y cứ ở thức Câu hành của ba Thọ. Về sau có ba tâm nói về thức vô ký nhiễm, tịnh, vẫn còn lại rất dễ hiểu.

26) Môn Niết-bàn thọ: Như văn nói hai thọ trong hai vô dư y diệt hẳn:

1. Thọ thô nặng sở y, nghĩa là sáu căn trong sinh thọ, gọi là sở y, thể là hữu lậu. Do có phiền não thô nặng, tánh không điều hòa, nhu thuận đã theo đuổi, gọi là thô nặng, gọi là thô nặng của sở y.

2. Thọ cảnh giới của quả kia, nghĩa là năm thứ thô bên ngoài do thế lực của năm căn bên trong, dẫn sinh, tức là quả của căn bên trong. Cho nên nói là thọ của cảnh giới kia. Vì dựa vào sự sinh kia, nên gọi là thọ của cảnh giới của quả kia. Về lý, thể của hai thọ này chưa hẳn có riêng, chỉ y cứ vào căn cảnh để chia làm hai thọ. Trong thọ thô nặng sở y có bốn:

1- Sở y có sắc, tức thọ của năm thức.

2- Sở y vô sắc, tức thọ của ý thức, tức là hai thọ thân, và tâm.

3- Thọ thô nặng của quả đã thành mãn, nghĩa là thọ hiện tại.

4- Thọ của quả chưa thành mãn, nghĩa là thọ của nhân vị lai, tức là nghiệp phiền não, là nhân của thọ vị lai, gọi là nhân thọ. Thọ của cảnh

giới của quả kia cũng có bốn thứ:

1) Thọ của y trì, nghĩa là khí thể giới là pháp y trì. Duyên pháp đó sinh ra thọ, gọi là thọ y trì.

2) Thọ của vật giúp cho trong cuộc sống hằng ngày, rất dễ hiểu.

3) Thọ của thọ dụng, tức khí thể giới thọ dụng của hai thọ và vật giúp cho trong cuộc sống hằng ngày gọi là thọ của thọ dụng.

4) Thọ của đoái tưởng, luyện mến, thọ của đoái tưởng luyện tiếc tài vật.

Dưới đây sẽ y cứ vào diệt thọ nhiều, ít trong cõi Niết-bàn hữu dư, vô dư. Luận sư Cảnh nói: “Thọ chưa thành mãn của quả trong cõi Niết-bàn hữu dư y, tất cả đã diệt, nghĩa là thể của nghiệp phiền não, lúc tâm kim cương đã dứt trừ xong, mới được hữu dư. Lãnh đối trị kia, để nói xúc sinh thọ. Lãnh thọ tận trí vô sanh tương ứng thọ, là nói xúc sinh thọ. Lãnh thọ chung, nghĩa là nhận lãnh thọ của khí thể giới có chung, tức thọ y trì. Lược qua không nói lãnh thọ tự cụ thọ dụng thọ chỉ trừ đoái tưởng luyện tiếc, vì tương ứng với tham. Hoặc thọ đã thành mãn của quả kia. Nghĩa là do trong thọ đã thành mãn, có chung có thô nặng, không có thô nặng. Nay, chỉ có thọ không có thô nặng trong thân Vô học, nên nói là “hoặc”. Lược qua không nói lãnh thọ của sở y có sắc, thọ của sở y không có sắc, vì Vô học vẫn còn khởi.

Văn thứ hai giải thích: “Lại, hai thứ thọ, tất cả đã diệt, nghĩa là đã dựa vào thọ báo thô nặng, thọ của cảnh giới quả kia đều đã dứt trừ, chỉ hiện lãnh thọ nói xúc sinh thọ. Đây là y cứ lậu hết, còn có các thọ đều gọi là nói thọ do xúc sinh ra. Khi Bát Niết-bàn trong cõi Niết-bàn vô dư y, thì thọ này cũng chưa diệt, nghĩa là thuận theo hai thuyết trước nói đã có các thọ trong hữu dư y. Nay, vào vô dư thọ nhiều ít đều diệt, như trước nên biết.”

Pháp sư Thái nói: “Báo vị lai trong hữu dư y không thọ, nhân vị lai cũng xả. Như Bạc thánh sinh cõi Vô Sắc xong, không thành tựu hạt giống của nhân căn. Lại, như khi người Vô học sắp qua đời, không thành tựu hạt giống của mười tám giới, chỉ có người kia nhận lãnh vô lậu năng trị kia để nói về xúc, tự sáu thọ còn lại chung cho cả phàm và Thánh, nên nói rằng có chung. Người Vô học cũng lãnh thọ sáu thọ khác, có chung thọ, như nghiệp ác căn phải thọ, hoặc đôi khi chỉ người Vô học thọ, nên nói là “hoặc”.

Trong văn này, phương Tây có hai giải thích:

1. Giải thích thứ nhất: “Trước, diệt định trước, chỉ diệt một thọ, bảy thọ còn lại không diệt. Nay, y cứ khi sắp vào vô dư, vì qua đời trong

diệt định, nên lúc ở diệt định, sáu thức, tám thọ đều diệt.”

2. Giải thích thứ hai: “Ở trước vì y cứ thô nặng mà theo, nên gọi là có chung, chỉ diệt một thọ. Về sau, vì y cứ Vô học mà vô lậu. Cho nên chỉ nói về Thọ, tám thọ diệt, giải thích là vô lậu. Tám thứ thọ trước hoàn toàn hữu lậu, nên nói rằng tất cả đã diệt. Nhưng vì phước bỏ chưa y cứ gốc, nên nói là một thứ. Một giải thích khác: Khi vào vô dư diệt, diệt tám thọ khác mà nói là có thọ vô lậu, là vì phương tiện gần của nhập định, lại không luận về diệt.

Trên đây, hai mươi sáu môn, hỏi đáp, nói rộng đã xong. Dưới đây là đức Thế tôn sẽ thuật lại, khen ngợi khuyên học, như văn rất dễ biết.

Trong bài tụng có năm:

1. Một bài tụng đầu nói có trái, thuận tức chiêu cảm được, mất.
2. Trong bài tụng thứ hai, dạy tu hạnh lợi mình vô tướng.
3. Trong bài tụng thứ ba, dạy tu hạnh lợi người vô tướng.
4. Trong bài tụng thứ tư, nói về nói pháp với tâm nhiễm, chỉ luống công vô ích.
5. Trong bài tụng thứ năm, Đức Phật khuyên hãy bỏ hý luận, tu học Du-già.

Dưới đây là nói về thỉnh đặt tên kinh, chúng đương thời được lợi

ích.

Y cứ trong lợi ích của chúng Thanh văn, Thích Luận nêu hai giải thích: Hoặc nói pháp bằng một âm thanh mà tất cả các trời đều được hiểu, hoặc nghe lý nhân vô ngã trong giáo pháp nên được giải thoát.

